

Số: 3135/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2019
cho các tập thể thuộc khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/06/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2019 cho 342 tập thể thuộc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (có tên trong danh sách kèm theo).

Tiền thưởng cho các tập thể được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

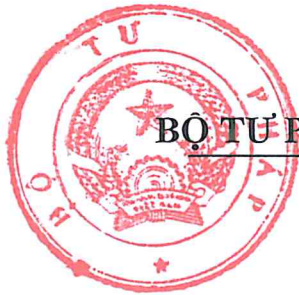
Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp và thủ trưởng các đơn vị có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU
“TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC” NĂM 2019
KHỐI CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

*(Kèm theo Quyết định số: 3135/QĐ-BTP ngày 23 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

I TỈNH BẮC KẠN (01)

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn;

II TỈNH CAO BẰNG (07)

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
3. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
4. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
5. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
6. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng;
7. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng;
8. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng;

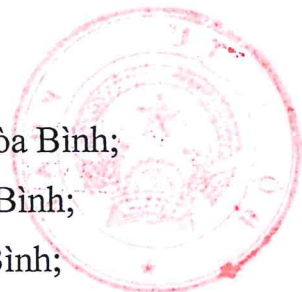
III TỈNH ĐIỆN BIÊN (05)

9. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
10. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
11. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
12. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên;
13. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên;

IV TỈNH HÒA BÌNH (05)

14. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình;
15. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; *nx*

16. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;
17. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình;
18. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình;



V TỈNH HÀ GIANG (06)

19. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
20. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
21. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
22. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang;
23. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang;
24. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang;

VI TỈNH LÀO CAI (06)

25. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
26. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
27. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
28. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai;
29. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai;
30. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai;

VII TỈNH LAI CHÂU (05)

31. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
32. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
33. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
34. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
35. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;

VIII TỈNH LẠNG SƠN (06)

36. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
37. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
38. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
39. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
40. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; *m*

41. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

IX TỈNH PHÚ THỌ (05)

42. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;

43. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;

44. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

45. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;

46. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ;

X TỈNH SƠN LA (04)

47. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;

48. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La;

49. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La;

50. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;

XI TỈNH TUYÊN QUANG (04)

51. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;

52. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

53. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

54. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

XII TỈNH THÁI NGUYÊN (04)

55. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

56. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

57. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

58. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

XIII TỈNH YÊN BÁI (04)

59. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái

60. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

61. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

62. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái

KHU VỰC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I TỈNH BẮC GIANG (06)

63. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang; *ml*

64. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
65. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
66. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
67. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;
68. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

II TỈNH NINH BÌNH (04)

69. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
70. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
71. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
72. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

III TỈNH HẢI DƯƠNG (04)

73. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
74. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
75. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
76. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

IV THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (08)

77. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
78. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
79. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
80. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;
81. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
82. Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng;
83. Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng;
84. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

V TỈNH BẮC NINH (04)

85. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
86. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
87. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;
88. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. *NA*

VI TỈNH THÁI BÌNH (05)

89. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
90. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
91. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
92. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
93. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

VII TỈNH QUẢNG NINH (08)

94. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
95. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
96. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
97. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
98. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
99. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;
100. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh;
101. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

VIII TỈNH HÀ NAM (04)

102. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
103. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
104. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;
105. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

IX TỈNH HƯNG YÊN (05)

106. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
107. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
108. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
109. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
110. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

X TỈNH NAM ĐỊNH (06)

111. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
112. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
113. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;
114. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

115. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định;
116. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

XI TỈNH VĨNH PHÚC (05)

117. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
118. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
119. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;
120. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc;
121. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

XII THÀNH PHỐ HÀ NỘI (06)

122. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
123. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;
124. Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội;
125. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;
126. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội;
127. Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

I TỈNH NGHỆ AN (08)

128. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
129. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
130. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
131. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
132. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
133. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;
134. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An;
135. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

II TỈNH QUẢNG NAM (10)

136. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
137. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
138. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam; *m/*

- 139. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;
- 140. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam;
- 141. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- 142. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;
- 143. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
- 144. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam;
- 145. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam;

III TỈNH HÀ TĨNH (07)

- 146. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- 147. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- 148. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- 149. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;
- 150. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- 151. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh;
- 152. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

VI TỈNH QUẢNG BÌNH (04)

- 153. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- 154. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
- 155. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- 156. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

V TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (05)

- 157. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 158. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 159. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 160. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 161. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

VI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (05)

- 162. Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- 163. Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng;
- 164. Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- 165. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; *no*

166. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

VII TỈNH QUẢNG TRỊ (04)

167. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
168. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị;
169. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị;
170. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

VIII TỈNH THANH HÓA (11)

171. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
172. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
173. Phòng Tổ chức cán bộ Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
174. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
175. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
176. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;
177. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;
178. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;
179. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
180. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
181. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

KHU VỰC NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

I TỈNH BÌNH ĐỊNH (06)

182. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
183. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
184. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
185. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
186. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định;
187. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

II TỈNH ĐẮK LẮK (08)

188. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
189. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;

190. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
191. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
192. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;
193. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk;
194. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk;
195. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

III TỈNH KHÁNH HÒA (06)

196. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
197. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
198. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
199. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;
200. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa;
201. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

IV TỈNH GIA LAI (05)

202. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
203. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;
204. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai;
205. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai;
206. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia lai.

V TỈNH KON TUM (05)

207. Văn phòng Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
208. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
209. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum;
210. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;
211. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum.

VI TỈNH PHÚ YÊN (05)

212. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
213. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;
214. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên;

215. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên;

216. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

VII TỈNH QUẢNG NGÃI (07)

217. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

218. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

219. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

220. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

221. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi;

222. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;

223. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

I TỈNH TÂY NINH (06)

224. Phòng Tài chính - Kế toán Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

225. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

226. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

227. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;

228. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

229. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

II TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU (05)

230. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

231. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

232. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

233. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

234. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

III TỈNH BÌNH THUẬN (05)

235. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận;

236. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

237. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; *nl*

238. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;
239. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

IV TỈNH LÂM ĐỒNG (05)

240. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
241. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
242. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng;
243. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
244. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;

V TỈNH NINH THUẬN (04)

245. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận;
246. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận;
247. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;
248. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;

VI TỈNH BÌNH DƯƠNG (05)

249. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
250. Phòng Tài chính, kế toán Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
251. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
252. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
253. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;

VII THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (11)

254. Phòng Kế hoạch – Tài chính, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
255. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;
256. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh;
257. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
258. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh;
259. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;
260. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh;
261. Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh;
262. Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; ✓

263. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh;
264. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh;

VIII TỈNH BÌNH PHƯỚC (05)

265. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
266. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
267. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;
268. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;
269. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

IX TỈNH ĐỒNG NAI (05)

270. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;
271. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
272. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
273. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai;
274. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ

I TỈNH AN GIANG

275. Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
276. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
277. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
278. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
279. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
280. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

II TỈNH BẾN TRE

281. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
282. Phòng Kiểm Tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
283. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
284. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
285. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

III TỈNH BẠC LIÊU

286. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu; *m*

287. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;

288. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

VI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

289. Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

290. Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ;

291. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ;

292. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

V TỈNH CÀ MAU

293. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;

294. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;

295. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau;

296. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

VI TỈNH ĐỒNG THÁP

297. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;

298. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

299. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

300. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

301. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;

302. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;

303. Phòng Tài chính – Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

VII TỈNH HẬU GIANG

304. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang;

305. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

VIII TỈNH LONG AN

306. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;

307. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An;

308. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

309. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;

310. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An;

311. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An;

312. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An;
313. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;
314. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

IX TỈNH TIỀN GIANG

315. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
316. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
317. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
318. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
319. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
320. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

X TỈNH TRÀ VINH

321. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại và tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
322. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;
323. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
324. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

XI TỈNH SÓC TRĂNG

325. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
326. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
327. Phòng kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
328. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
329. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;
330. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

XII TỈNH KIÊN GIANG

331. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
332. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
333. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
334. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
335. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; ~~///~~

336. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang;
337. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

XIII TỈNH VĨNH LONG

338. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
339. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
340. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
341. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long;
342. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số: 342 trường hợp. / *nh*

